

DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, Xã Hương Phong, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, Xã Hương Phong, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng ALV (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Trần Kim Luật	Chủ tịch	26/12/2018	
Ông Phạm Văn Hải	Chủ tịch	14/9/2017	26/12/2018
Ông Trương Thế Sơn	Thành viên		
Ông Bùi Vĩnh Phúc	Thành viên		
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Trưởng ban		
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên		
Ông Bùi Quang Đức	Thành viên	04/5/2017	
Bà Hồ Thị Hồng Vân	Thành viên		04/5/2017
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Ông Phạm Văn Hải	Tổng Giám đốc		
Ông Ngô Xuân Doanh	Phó Tổng Giám đốc		

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Phạm Văn Hải, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, Xã Hương Phong, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



PHẠM VĂN HẢI – Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 3 năm 2019

Số: __/2019/BCTC-KTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng ALV, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2019, từ trang 6 đến trang 43 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng ALV tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Cùng với việc không đưa thêm ý kiến ngoại trừ, Chúng tôi muốn lưu ý với người đọc Báo cáo này vấn đề doanh thu thuần của Công ty trong năm 2018 chỉ đạt 7.679.525.550 VND giảm 90% so với kỳ kế toán năm trước tương ứng giảm 69.625.552.385 VND. Đây là doanh thu cung cấp đá, vận chuyển cho các công ty có liên quan, Công ty không có hợp đồng thi công xây dựng trong năm 2018.

Yếu tố này đã làm nảy sinh sự hoài nghi về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.

Vấn đề khác

Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa tiến hành tổ chức Đại hội cổ đông và công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán.

Tùy theo sự nhìn nhận của các bên liên quan mà có ý kiến khác nhau về vấn đề này. Ý kiến kiểm toán của Chúng tôi nêu trên không đề cập đến các vấn đề này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt

VĂN NAM HẢI - Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2018-037-1

LÊ THỊ BÍCH NGỌC - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1817-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B01-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.001.355.893	53.795.681.874
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	105.616.273	3.232.760.792
Tiền	111		105.616.273	3.232.760.792
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.080.332.650	47.666.073.270
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	-	28.660.810.928
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	28.863.130.650	14.081.655.240
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	8.202.280.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	554.922.000	5.563.607.102
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(540.000.000)	(640.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		2.101.416.302	2.896.847.812
Hàng tồn kho	141	V.6	2.101.416.302	2.896.847.812
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		713.990.668	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		713.990.668	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		58.432.185.953	25.210.776.592
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		45.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	45.000.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		9.194.197.582	10.202.175.946
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	4.694.197.582	5.702.175.946
Nguyên giá	222		8.030.171.549	8.030.171.549
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.335.973.967)	(2.327.995.603)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4.500.000.000	4.500.000.000
Nguyên giá	228		4.500.000.000	4.500.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	-	11.413.043.478
Đầu tư vào công ty con	251	V.10	-	11.413.043.478
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.237.988.371	3.595.557.168
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	4.237.988.371	3.595.557.168
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		98.433.541.846	79.006.458.466

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV
 Thôn Hương Thịnh, Xã Hương Phong, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		35.318.131.565	41.298.873.577
I. Nợ ngắn hạn	310		35.318.131.565	41.298.873.577
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	13.399.360.172	26.088.996.539
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	2.262.373.118	7.978.982.428
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5.141.318.412	5.412.410.504
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	3.194.473.201	1.519.905.444
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	193.243.546	138.715.546
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	11.061.000.000	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	66.363.116	159.863.116
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		63.115.410.281	37.707.584.889
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	63.115.410.281	37.707.584.889
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.579.360.000	31.579.360.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		56.579.360.000	31.579.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(17.000.000)	(17.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		415.707.715	415.707.715
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.137.342.566	5.729.517.174
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		5.729.517.174	921.327.175
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		407.825.392	4.808.189.999
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		98.433.541.846	79.006.458.466



PHẠM VĂN HẢI
 Tổng Giám đốc

TRƯƠNG KHÁNH TOÀN
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGÀ
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, Xã Hương Phong, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÁU B02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.679.525.550	77.305.077.935
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	8.971.880.428
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	7.679.525.550	68.333.197.507
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	8.562.936.010	59.210.408.917
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(883.410.460)	9.122.788.590
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.812.224.128	981.074.044
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.587.266.737	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.587.266.737	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	72.345.000	989.250.272
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.507.726.594	905.655.219
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		761.475.337	8.208.957.143
11. Thu nhập khác	31		65.363.636	280
12. Chi phí khác	32		419.013.581	552.801.451
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	(353.649.945)	(552.801.171)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		407.825.392	7.656.155.972
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	1.343.997.973
16. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		407.825.392	6.312.157.999
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	72	1.918
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	72	1.918



Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 3 năm 2019

PHẠM VĂN HẢI
 Tổng Giám đốc

TRƯƠNG KHÁNH TOÀN
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGÀ
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, Xã Hương Phong, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		407.825.392	7.656.155.972
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.007.978.364	581.148.754
- Các khoản dự phòng	03		(100.000.000)	(1.017.137.111)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(6.812.224.128)	(981.074.044)
- Chi phí lãi vay	06		1.587.266.737	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(3.909.153.635)	6.239.093.571
- Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu	09	VII	(26.550.570.384)	(13.522.804.509)
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10		795.431.510	(209.968.568)
- (Giảm)/ Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	(16.948.242.012)	14.629.637.086
- (Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12		(642.431.203)	(335.126.751)
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(1.587.266.737)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(275.399.664)	(718.069.332)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(93.500.000)	(239.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(49.211.132.125)	5.843.011.497
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	-	(10.468.181.818)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(22.802.280.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.600.000.000	15.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(39.500.000.000)	(4.500.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		50.913.043.478	-
6. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.812.224.128	981.074.044
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.022.987.606	1.012.892.226
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		25.000.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		26.261.000.000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(15.200.000.000)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	-	(4.511.904.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		36.061.000.000	(4.511.904.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.127.144.519)	2.343.999.723
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.232.760.792	888.761.069
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.I	105.616.273	3.232.760.792



PHẠM VĂN HẢI
Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 3 năm 2019

TRƯƠNG KHÁNH TOÀN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGÀ
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng ALV được đổi tên từ Công ty Cổ phần Khoáng sản Vinas A Lưới. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300529819 ngày 21 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ 12 vào ngày 26 tháng 01 năm 2018.

• **Vốn điều lệ** : 56.579.360.000 VND

Số cổ phiếu : 5.657.936 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000VND/cổ phần

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại : (84- 0236) 6514.288

Fax : (84- 0236) 6514.288

Mã số thuế : **3 3 0 0 5 2 9 8 1 9**

Webside : www.khoangsanaluoi.com.vn

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là khai thác, sản xuất, xây lắp, thương mại.

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;

- Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ;

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn tổng hợp;

- Trồng rừng và chăm sóc rừng;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

- Cho thuê xe có động cơ;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bến cảng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, khu du lịch;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và chế biến đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có 01 Công ty con là Công ty Cổ phần Edico có trụ sở tại địa chỉ: Số 41 Tạ Hiện, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Ngành nghề kinh doanh chính chủ yếu là sản xuất bê tông nhựa nóng, kinh doanh vật liệu xây dựng. Vốn điều lệ của Công ty con tại ngày 31/12/2017 là 23.000.000.000 VND, vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2017 tính theo mệnh giá là 12.500.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 54,3% vốn điều lệ. Đến ngày 28/12/2018, Công ty đã tiến hành thoái vốn tại Công ty cổ phần Edico.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 26.479.360.000 VND lên 51.479.360.000 VND bằng việc bán cổ phiếu riêng lẻ với tổng giá trị là 25.000.000.000 VND.

Công ty tiến hành góp vốn vào Công ty con là Công ty Cổ phần Edico là 15.000.000.000 VND, nâng tổng số vốn đầu tư tại ngày 05 tháng 01 năm 2018 là 26.413.043.478 VND chiếm 98,2% tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Edico theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2017 số 10/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 8 năm 2017.

Từ ngày 21 tháng 3 năm 2018 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty tiến hành góp vốn vào Công ty Cổ phần gạch Đông Giang số tiền là : 24.500.000.000 VND chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gạch Đông Giang theo Nghị quyết số 03/2018/ALV/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 3 năm 2018.

Sau đó, Công ty tiến hành thoái vốn toàn bộ tại Công ty con là Công ty Cổ phần Edico theo Nghị quyết số 04/2018/ALV/QĐ-HĐQT ngày 29 tháng 6 năm 2018, đồng thời rút toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Gạch Đông Giang vào ngày 28 tháng 12 năm 2018.

Cũng tại ngày 28 tháng 12 năm 2018, Công ty tiến hành chuyển 45.000.000.000 VND cho Công ty Cổ phần xi măng Bạch Đằng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 28.12/2018/BCC/BDC-ALV ngày 28 tháng 12 năm 2018.

6. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

7. Nhân viên

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 13 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 13 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là kỳ kế toán năm thứ 11 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm phản ánh lỗ 7.220.902.099 VND so với lợi nhuận đạt được trong năm trước là 6.312.157.999 VND, nguyên nhân chủ yếu từ việc trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và sự sụt giảm của doanh thu trong năm. Cụ thể, trong năm 2018, Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu quá hạn, không có khả năng thu hồi với số tiền là 7.274.605.261 VND. Bên cạnh đó, doanh thu thuần của Công ty trong năm 2018 chỉ đạt 8.205.451.738 VND giảm 88% so với kỳ kế toán năm trước tương ứng giảm 60.127.745.769 VND. Đây là doanh thu cung cấp đá, vận chuyển cho các công ty có liên quan, Công ty không có hợp đồng thi công xây dựng trong năm 2018.

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn một khoản là 2.945.503.163 VND.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Những yếu tố này đã làm nảy sinh sự hoài nghi về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu về cho vay, phải thu khác, giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính, giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chuyển đổi và cổ phiếu ưu đãi.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, góp vốn liên doanh và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	2 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 547811 có xác nhận nội dung thay đổi cơ sở pháp lý ngày 08 tháng 6 năm 2017 do văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng cấp. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền thuê đất, khoản trả trước tiền thuê văn phòng, chi phí thành lập, chi phí trả trợ cấp mất việc và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Các chi phí trả trước dài hạn thể hiện:

- Chi phí khai thác và lệ phí cấp phép khai thác mỏ đá được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian cấp phép.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chưa giải quyết, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,....

12. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phần

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	31/12/2017
Tiền mặt	15.434.483	1.171.048.824
Tiền gửi ngân hàng	90.181.790	2.061.711.968
Cộng	105.616.273	3.232.760.792

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Công ty Cổ phần EDICO	0	27.425.602.644
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và Thương mại HM	0	626.610.000
Công ty TNHH Hưng Mỹ Thịnh	0	49.500.000
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	0	525.926.188
Công ty TNHH Trung Thành Đà Nẵng	0	33.172.096
Cộng	0	28.660.810.928
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (i)	0	27.425.602.644

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty TNHH Bảo Khoa	5.100.000.000	1.540.000.000
Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Visaco (i)	7.814.066.945	-
Công ty TNHH Tâm Thịnh Tiến	3.151.000.000	5.151.000.000
Công ty TNHH thương mại - dịch vụ và sản xuất Sông Ranh	3.000.000.000	-
Công ty CP xây lắp thiết bị TH Việt	7.000.000.000	-
Công ty TNHH xây dựng BVT	-	2.055.000.000
Công ty TNHH MTV DV-TM Hào Thành Tâm	1.255.688.465	4.581.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các đối tượng khác	1.542.375.240	754.655.240
Cộng	28.863.130.650	14.081.655.240
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	7.814.066.945	-

4. Phải thu khác

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	8.757.202.000	-	5.563.607.102	-
Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Visaco	-	-	1.173.074.736	-
Công ty Cổ phần EDICO	-	-	2.335.610.366	-
Cho vay (i)	8.202.280.000			
Tạm ứng nhân viên	554.922.000	-	2.054.922.000	-
b) Dài hạn	45.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Xi măng Bạch Đằng(ii)	45.000.000.000	-	-	-
Cộng	53.757.202.000	-	5.563.607.102	-

(i) Công ty cho Ông Lưu Anh Tuấn vay theo hợp đồng vay vốn số 09/2018/HĐVV ngày 27 tháng 12 năm 2018, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 12%/năm. Đến ngày 31/12/2018, số dư đối với Ông Lưu Anh Tuấn là 7.000.000.000 VND.

Công ty cho Bà Nguyễn Thị Oanh vay theo hợp đồng cho vay tiền ngày 31 tháng 12 năm 2018, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 12%/năm. Đến ngày 31/12/2018, số dư đối với Bà Nguyễn Thị Oanh là 1.202.280.000 VND.

(ii) Công ty chuyển tiền hợp tác kinh doanh cho Công ty CP Xi măng Bạch Đằng theo Hợp đồng số 28.12/2018/BCC/BDC-ALV ngày 28 tháng 12 năm 2018, thời hạn 15 năm kể từ ngày góp vốn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

	31/12/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Trả trước cho người bán	540.000.000	-	(540.000.000)	640.000.000	-	(640.000.000)
Công ty chứng khoán ngân hàng Nông Nghiệp Đà Nẵng	-	-	-	100.000.000	-	(100.000.000)
Công ty TNHH TM & DV tổng hợp Khởi Minh	540.000.000	-	(540.000.000)	540.000.000	-	(540.000.000)
Cộng	540.000.000	0	(540.000.000)	640.000.000	-	(640.000.000)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	362.462.249	-	363.277.110	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.724.039.912	-	2.430.027.643	-
Thành phẩm	14.914.141	-	31.822.441	-
Hàng hóa	-	-	71.720.618	-
Cộng	2.101.416.302	-	2.896.847.812	-

7. Chi phí trả trước

	31/12/2018	31/12/2017
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	4.237.988.371	3.595.557.168
Chi phí bốc tăng phủ	956.081.780	1.593.469.633
Chi phí cấp mở đá	3.281.906.591	1.989.669.348
Công cụ, dụng cụ	-	12.418.187
Cộng	4.237.988.371	3.595.557.168

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
01/01/2018	7.670.171.549	360.000.000	8.030.171.549
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
31/12/2018	7.670.171.549	360.000.000	8.030.171.549
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2018	2.003.995.603	324.000.000	2.327.995.603
Tăng trong năm	971.978.364	36.000.000	1.007.978.364
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>971.978.364</i>	<i>36.000.000</i>	<i>1.007.978.364</i>
Giảm trong năm	-	-	-
31/12/2018	2.975.973.967	360.000.000	3.335.973.967
Giá trị còn lại			
01/01/2018	5.666.175.946	36.000.000	5.702.175.946
31/12/2018	4.694.197.582	-	4.694.197.582
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng :			
01/01/2018	508.180.125	-	508.180.125
31/12/2018	958.180.125	360.000.000	1.318.180.125

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
01/01/2018	4.500.000.000	4.500.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
31/12/2018	4.500.000.000	4.500.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2018	-	-
Tăng trong năm	-	-
<i>Khấu hao trong năm</i>	-	-
Giảm trong năm	-	-
31/12/2018	-	-
Giá trị còn lại		
01/01/2018	4.500.000.000	4.500.000.000
31/12/2018	4.500.000.000	4.500.000.000

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất theo Quyết định số CA 547811 do Phòng Đăng ký Đất đai thành phố Đà Nẵng xác nhận ngày 08 tháng 6 năm 2017 về việc sử dụng lô đất diện tích 300m² đất ở tại khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân giai đoạn 2, phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng có thời hạn sử dụng lâu dài nên không trích khấu hao. Tài sản này được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay bên thứ 3 là Công ty Cổ phần Edico tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Sông Hàn theo Hợp đồng thế chấp số 10200 ngày 22 tháng 11 năm 2017. Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo Kiểm toán viên chưa nhận được hồ sơ thế chấp tài sản này.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Edico	-	-	-	11.413.043.478	-	-
Cộng	-	-	-	11.413.043.478	-	-

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Edico số tiền là : 12.500.000.000 VND theo Nghị quyết số 06/ALV/NQ - HĐQT ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng ALV (tên cũ là Công ty CP Khoáng sản Vina A Lưới). Trong năm 2017, Công ty ghi nhận giảm giá trị đầu tư tương ứng với khoản cổ tức nhận được trước ngày đầu tư với số tiền là 1.086.956.522 VND theo Nghị quyết số 01/2017/EDICO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Đại hội cổ đông về việc phân phối lợi nhuận năm 2016.

Trong năm 2018, Công ty tiến hành góp vốn vào Công ty Cổ phần Edico là 15.000.000.000 VND, nâng tổng số vốn đầu tư tại ngày 05 tháng 01 năm 2018 là 26.413.043.478 VND chiếm 98,2% tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Edico.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư này theo Quyết định số 04/2018/ ALV/NQ - HĐQT ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng ALV.

Kết quả thoái vốn như sau :

Tổng giá trị cổ phần	: 27.500.000.000 VND
Tổng giá trị đầu tư	: 26.413.043.478 VND
Lãi	: 1.086.956.522 VND.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH xây dựng BVT	1.556.379.000	1.556.379.000	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Tâm	415.391.000	415.391.000	415.391.000	415.391.000
Công ty Cổ phần EDICO			9.844.687.325	9.844.687.325
Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Visaco			2.605.386.325	2.605.386.325
Công ty TNHH tư vấn xây dựng và Thương mại HM	74.265.625	74.265.625	700.875.625	700.875.625
Công ty TNHH Kinh doanh thương mại Tổng hợp Thọ Trường	2.191.230.638	2.191.230.638	2.178.586.888	2.178.586.888
Công ty TNHH MTV Kim Chung Phát	839.044.649	839.044.649	735.526.146	735.526.146
Công ty TNHH Mai Ngọc Ánh	1.401.157.500	1.401.157.500	1.431.027.500	1.431.027.500
Doanh nghiệp tư nhân Phúc Hiếu	419.340.455	419.340.455	419.340.455	419.340.455
Công ty TNHH nhựa đường PUMA ENERGY Việt Nam	880.337.040	880.337.040	791.670.000	791.670.000
Công ty TNHH Cường Tiến Minh	953.623.000	953.623.000	953.623.000	953.623.000
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hùng Tiến	572.808.027	572.808.027	572.808.027	572.808.027
Công ty TNHH TMDV Vận tải Tuấn Phát	2.165.501.900	2.165.501.900	2.215.501.900	2.215.501.900
Khách hàng khác	1.930.281.338	2.343.322.826	3.224.572.348	3.224.572.348
Cộng	13.399.360.172	24.266.065.512	26.088.996.539	26.088.996.539

Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2018	31/12/2017
Công ty Cổ phần Edico	-	9.844.687.325
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Víaco	-	2.605.386.325

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Cộng		-		12.450.073.650
12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
		31/12/2018		31/12/2017
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco		825.495.349		6.542.104.659
Công ty Cổ phần Việt Trung		600.000.000		600.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản Phú Lâm		836.877.769		836.877.769
Cộng		2.262.373.118		7.978.982.428
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		31/12/2018		31/12/2017
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Víaco		825.495.349		6.542.104.659
Cộng		825.495.349		6.542.104.659
13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Chỉ tiêu	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2018
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.135.660.721	-	187.825.739	1.947.834.982
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.912.165.152	-	275.399.664	1.636.765.488
Thuế thu nhập cá nhân	239.883.300	-	9.600.000	230.283.300
Các loại thuế khác	1.124.701.331	328.907.908	127.174.597	1.326.434.642
-Thuế khác	664.281.648			664.281.648
-Tiền chậm nộp thuế	460.419.683	328.907.908	127.174.597	662.152.994
Cộng	5.412.410.504	328.907.908	600.000.000	5.141.318.412
• Thuế giá trị gia tăng				
- Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.				
- Thuế suất áp dụng:				
+ Hàng hóa, sản phẩm xuất khẩu chịu thuế suất 0%				
+ Hàng hóa, sản phẩm tiêu thụ trong nước chịu thuế suất 10%				
• Các loại thuế khác				
Công ty kê khai và nộp các loại thuế theo qui định hiện hành.				
14. Chi phí phải trả ngắn hạn				
		31/12/2018		31/12/2017
Trích trước chi phí các công trình		1.283.632.717		1.492.632.717
Chi phí kiểm toán		190.909.091		27.272.727
Trích trước chi phí cấp quyền khai thác mỏ		1.660.704.120		-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Trích trước chi phí khác	<u>59.227.273</u>	
Cộng	<u>3.194.473.201</u>	<u>1.519.905.444</u>
15. Phải trả khác ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội	86.193.849	42.741.849
Bảo hiểm y tế	23.396.946	15.728.946
Bảo hiểm thất nghiệp	17.801.488	14.393.488
Cổ tức phải trả	<u>65.851.263</u>	<u>65.851.263</u>
Cộng	<u>193.243.546</u>	<u>138.715.546</u>
Phải trả khác quá hạn chưa thanh toán		
Cộng	<u>65.851.263</u>	<u>65.851.263</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vay và nợ tài chính ngắn hạn

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng (i)	11.061.000.000	-	26.261.000.000	15.200.000.000	-	-
Cộng	11.061.000.000	-	26.261.000.000	15.200.000.000	-	-

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 0241/00518/HMTĐC-PN ngày 19 tháng 03 năm 2018, hạn mức tính dung là 11.300.000.000 VND. thời hạn vay là 12 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Công ty đã sử dụng lô đất tại Lô 1413 KDC Tây Nam Hòa Cường, phường. Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 281874 vào sổ cấp GCN QSD CH00352 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08 tháng 7 năm 2010 để thế chấp cho khoản vay này.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Sử dụng các quỹ trong năm	Số cuối năm
Năm 2017				
Quỹ khen thưởng	143.805.187	255.807.929	(239.750.000)	159.863.116
Cộng	143.805.187	255.807.929	(239.750.000)	159.863.116
Năm 2018				
Quỹ khen thưởng	159.863.116	-	(93.500.000)	66.363.116
Cộng	159.863.116	-	(93.500.000)	66.363.116

Xem trích lập các quỹ từ lợi nhuận tại Thuyết minh số V.18

18. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu trong năm và kỳ kế toán trước:**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2017	30.079.360.000	(17.000.000)	292.764.795	6.100.778.819	36.163.138.819
Tăng (giảm) vốn trong năm trước	1.500.000.000	-	-	-	1.500.000.000
Lãi (lỗ) trong năm trước	-	-	-	6.312.157.999	6.312.157.999
Trích lập các quỹ	-	-	122.942.920	(378.750.849)	(255.807.929)
Chia cổ tức	-	-	-	(4.511.904.000)	(4.511.904.000)
31/12/2017	31.579.360.000	(17.000.000)	415.707.715	5.729.517.174	37.707.584.889
01/01/2018	31.579.360.000	(17.000.000)	415.707.715	5.729.517.174	37.707.584.889
Tăng (giảm) vốn trong năm nay	25.000.000.000	-	-	-	25.000.000.000
Lãi (lỗ) trong năm nay	-	-	-	407.825.392	407.825.392
31/12/2018	56.579.360.000	(17.000.000)	415.707.715	6.137.342.566	63.115.410.281

Năm 2017, Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo tờ trình số 03/2017/TTr-HĐQT ngày 19 tháng 8 năm 2017 trình Đại hội cổ đông bất thường năm 2017 về việc phân phối lợi nhuận năm 2015 và năm 2016.

Trong năm, Công ty đã thực hiện việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư (hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán) để tăng vốn góp từ 31.579.360.000 VND lên 56.579.360.000 VND, số lượng cổ phiếu tăng thêm là 2.500.000 cổ phiếu, giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2017 số 10/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 8 năm 2017 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 12/2017/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 8 năm 2017. Công ty đã có Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 04 tháng 01 năm 2018, về

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

việc hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược vào ngày 04 tháng 01 năm 2018 với tổng tiền thu từ đợt chào bán cổ phiếu là 25.000.000.000 VND.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo, Công ty chưa tiến hành Đại hội cổ đông năm 2018.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300529819 ngày 26 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, vốn điều lệ của Công ty là 56.579.360.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	31/12/2018	31/12/2017
	VND	VND
Vốn góp của cổ đông	56.579.360.000	31.579.360.000
Cộng	56.579.360.000	31.579.360.000

Cổ phần

	31/12/2018	31/12/2017
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.657.936	3.157.936
Số lượng cổ phần đã chào bán ra công chúng	5.657.936	3.157.936
<i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>5.657.936</i>	<i>3.157.936</i>
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
<i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phần đang lưu hành	5.657.936	3.157.936
<i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>5.657.936</i>	<i>3.157.936</i>
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo tờ trình số 03/2017/TTr-HĐQT ngày 19 tháng 8 năm 2017 trình Đại hội cổ đông bất thường năm 2017 về việc phân phối lợi nhuận năm 2015 và năm 2016:

	Năm 2018	Năm 2017
Chia cổ tức	-	4.511.904.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	122.942.920
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	255.807.929
Cộng	-	4.890.553.849

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
a) Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	-	1.589.622.345
Doanh thu bán hàng hóa	3.099.613.637	39.939.366.798
Doanh thu cung cấp dịch vụ	384.445.492	5.921.463.264
Doanh thu xây lắp	4.195.466.421	20.882.745.100
Cộng	<u>7.679.525.550</u>	<u>68.333.197.507</u>

b) Doanh thu đối với bên liên quan

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco	4.846.905.336	20.218.202.124
Công ty Cổ phần Edico	3.358.546.402	41.340.612.016
Cộng	<u>8.205.451.738</u>	<u>61.558.814.140</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán thành phẩm	-	447.035.560
Giá vốn bán hàng hóa	2.629.022.917	33.331.978.406
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.360.586.440	5.870.610.104
Giá vốn xây lắp	4.573.326.653	19.560.784.847
Cộng	<u>8.562.936.010</u>	<u>59.210.408.917</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	2.380.220	981.074.044
Lãi tiền cho vay	727.347.327	
Lãi bán các khoản đầu tư	1.086.956.522	-
Cổ tức được nhận	4.995.540.059	-
Cộng	<u>6.812.224.128</u>	<u>981.074.044</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí lãi vay	1.587.266.737	-
Cộng	1.587.266.737	-

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	24.345.000	718.960.200
Chi phí bán hàng khác	48.000.000	270.290.072
Cộng	72.345.000	989.250.272

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	657.636.000	1.489.169.196
Chi phí vật liệu quản lý	190.507.947	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(100.000.000)	(1.017.137.111)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.850.681	57.850.681
Thuế, phí và lệ phí	1.920.317	13.116.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.636.364	-
Chi phí bằng tiền khác	2.536.175.285	375.772.453
Cộng	3.507.726.594	905.655.219

7. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác	65.363.636	280
Thu nhập khác	65.363.636	280
Chi phí phạt vi phạm hành chính	419.013.581	552.801.451
Chi phí khác	417.574.948	477.523.451
Chi phí khác	1.438.633	75.278.000
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	(353.649.945)	(552.801.171)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	407.825.392	7.656.155.972
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(4.577.965.111)	464.335.660
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.995.540.059	-
Hoàn nhập dự phòng đã chịu thuế năm trước	-	1.017.113.711
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Chi phí không được khấu trừ	417.574.948	552.801.451

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trừ: Lỗ các năm trước được kết chuyển (nếu có)	-	-
Thu nhập chịu thuế	(4170.139.719)	7.191.820.312
Thuế suất áp dụng	20 %	20 %
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	1.438.364.062
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	94.366.089
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.343.997.973

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Trong năm 2018 Công ty không có phát sinh thu nhập chịu thuế nên Công ty không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính.

9. Lãi trên cổ phần

Việc tính toán lãi trên cổ phần cơ bản và lãi trên cổ phần suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	407.825.392	6.312.157.999
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	407.825.392	6.312.157.999
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	5.637.388	3.157.936
Lãi cơ bản trên cổ phần	72	1.999

b) Lãi suy giảm trên cổ phần

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	407.825.392	6.312.157.999
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phần phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phần	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	407.825.392	6.312.157.999
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	5.637.388	3.157.936

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số lượng cổ phần phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phần bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	5.637.388	3.157.936
Lãi suy giảm trên cổ phần	72	1.918

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.802.622.564	437.716.489
Chi phí nhân công	681.981.000	2.277.329.396
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.007.978.364	581.148.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.461.653.554	24.374.473.141
Chi phí khác bằng tiền	4.100.143.204	32.435.789.169
Cộng	12.054.378.686	60.106.456.949

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan*****Giao dịch với các bên liên quan***

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty CP Edico
 Công ty Cổ phần Gạch Đông Giang
 Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng
 Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Visaco

Công ty con
 Công ty liên kết
 Công ty liên doanh
 Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
Công ty Cổ phần Edico		
Đầu tư góp vốn	15.000.000.000	12.500.000.000
Chia cổ tức	4.995.540.059	-
Bán hàng	3.358.546.402	41.340.612.016
Mua hàng	913.611.027	15.646.696.837
Thanh toán tiền mua hàng	-	-
Thu tiền bán hàng	15.700.000.000	
Bù trừ công nợ ba bên	10.758.298.352	
Nhận tiền thoái vốn	27.500.000.000	-
Nhận tiền chia cổ tức năm 2016,2017	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco		
Bán hàng	4.846.905.336	20.218.202.124
Mua hàng	2.505.886.730	-
Thanh toán tiền mua hàng	12.925.340.000	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Bù trừ công nợ ba bên	2.165.501.900	
Thu tiền bán hàng	<u>7.335.000.000</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Gạch Đông Giang

Góp vốn	24.500.000.000	-
Nhận tiền thoái vốn	<u>24.500.000.000</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng

Góp vốn	<u>45.000.000.000</u>	<u>-</u>
---------	-----------------------	----------

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Công ty CP Edico		
Phải thu khách hàng	-	27.425.602.644
Phải trả người bán	-	9.844.687.325
Phải thu khác	-	<u>2.335.610.366</u>

Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Visaco

Phải thu khách hàng	-	-
Phải trả người bán	-	2.605.386.325
Phải thu khác	-	1.173.074.736
Người mua trả tiền trước	825.495.349	6.542.104.659
Trả trước cho người bán	<u>7.814.066.945</u>	<u>-</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký	-	288.000.000
Cộng	<u>-</u>	<u>288.000.000</u>

2. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.16, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Các khoản vay	11.061.000.000	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>(105.616.273)</u>	<u>(3.232.760.792)</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ thuần	10.955.383.727	(3.232.760.792)
Vốn chủ sở hữu	63.115.410.281	37.707.584.889
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	17,36%	(8,57%)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.616.273	105.616.273	3.232.760.792	3.232.760.792
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	-	28.020.810.928	28.020.810.928
Phải thu khác	8.757.202.000	8.757.202.000	5.563.607.102	5.563.607.102
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	11.413.043.478	11.413.043.478
Cộng	53.862.818.273	53.862.818.273	48.230.222.300	48.230.222.300
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	13.399.360.172	24.266.065.512	26.088.996.539	26.088.996.539
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.194.473.201	3.151.609.564	1.519.905.444	1.519.905.444
Phải trả khác	193.243.546	193.243.546	138.715.546	138.715.546
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11.061.000.000	11.061.000.000	-	-
Cộng	27.848.076.919	38.671.918.622	27.747.617.529	27.747.617.529

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.10.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mức tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu chính chủ yếu là clinker. Công ty quản lý rủi ro nguyên vật liệu này bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Các khoản đầu tư được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có một Công ty con là Công ty Cổ phần Edico có trụ sở tại địa chỉ: Số 41 Tạ Hiện, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Ngành nghề kinh doanh chính chủ yếu là sản xuất bê tông nhựa nóng, kinh doanh vật liệu xây dựng. Vốn điều lệ của Công ty con tại ngày 31/12/2017 là 23.000.000.000 VND, vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2017 tính theo mệnh giá là 12.500.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 54,3% vốn điều lệ, trong năm Công ty có đầu tư thêm 15.000.000.000 VND, nâng vốn đầu tư lên 27.500.000.000 VND. Đến ngày 28/12/2018, Công ty đã tiến hành thoái vốn tại Công ty Cổ phần Edico (xem Thuyết minh tại V.10)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng, cụ thể ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2018				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.616.273	-	-	105.616.273
Phải thu của khách hàng	-	-	-	-
Phải thu khác	8.757.202.000	-	45.000.000.000	53.757.202.000
Cộng	8.862.818.273	-	45.000.000.000	53.862.818.273

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	13.399.360.172	-	-	13.399.360.172
Chi phí phải trả	3.194.473.201	-	-	3.194.473.201
Phải trả khác	193.243.546	-	-	193.243.546
Các khoản vay	11.061.000.000	-	-	11.061.000.000
Cộng	27.848.076.919	-	-	27.848.076.919
Chênh lệch thanh khoản thuần	(18.985.258.646)	-	45.000.000.000	26.014.741.354

31/12/2017**Tài sản tài chính**

Tiền và các khoản tương đương tiền	3.232.760.792	-	-	3.232.760.792
Phải thu của khách hàng	28.660.810.928	-	-	28.660.810.928
Phải thu khác	5.563.607.102	-	-	5.563.607.102
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	11.413.043.478	11.413.043.478
Cộng	37.457.178.822	-	11.413.043.478	48.870.222.300

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán	26.088.996.539	-	-	26.088.996.539
Chi phí phải trả	1.519.905.444	-	-	1.519.905.444
Phải trả khác	138.715.546	-	-	138.715.546
Các khoản vay	-	-	-	-
Cộng	27.747.617.529	-	-	27.747.617.529

**Chênh lệch thanh khoản
thuần**

9.709.561.293	3.078.492.388	11.413.043.478	21.122.604.771
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

3. Số liệu so sánh

Một số số liệu của Báo cáo kỳ trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

4. Sự kiện sau ngày ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Xã Hương Phong – Huyện A Lưới – Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)



PHẠM VĂN HẢI
Tổng Giám đốc

TRƯƠNG KHÁNH TOẢN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGÀ
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính